

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 274/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Lê Minh B**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 334 đường D, Khu phố C, phường Q, thành phố A, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Hoàng Thị Thu T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 334 đường D, Khu phố C, phường Q, thành phố A, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 14/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Đồng Nai nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của bà Hoàng Thị Thu T và ông Lê Minh B. Bà T, ông B hiện đang cư trú tại thành phố A, đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố A thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà T và ông B kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố A, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 83/TP-HT Quyền số 01/2009 ngày 10/8/2009. Quá trình chung sống, bà T, ông B thừa nhận cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Bà T, ông B có 02 con chung cháu Lê Việt K, sinh ngày 01/8/2011 và cháu Lê Bảo M, sinh ngày 25/3/2014. Ly hôn, bà T, ông B thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T, ông B tự thỏa thuận về tài sản chung và xác định không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà T, ông B thống nhất không đoàn tụ, yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/01/2022, ghi nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự.

Xét thấy, các đương sự thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con. Do đó, đủ căn cứ để Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà T, ông B.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Thu T và ông Lê Minh B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Việt K, sinh ngày 01/8/2011 và cháu Lê Bảo M, sinh ngày 25/3/2014 cho bà Hoàng Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Lê Minh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Minh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị Thu T và ông Lê Minh B tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Hoàng Thị Thu T và ông Lê Minh B xác định không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Hoàng Thị Thu T và ông Lê Minh B mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001222 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Đồng Nai. Bà Hoàng Thị Thu T và ông Lê Minh B đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. A;
- Chi cục THADS TP. A;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Ngô Hoàng Long